

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 08 - 7 - 2026

V/v tranh chấp ly hôn, con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nghi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2026/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2026, về việc: “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”, do Bản án sơ thẩm số 37/2026/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 477/2026/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đan T, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số D đường N, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ liên hệ: Số A đường L, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Chau T1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số C đường T, phường X - Đ, tỉnh Lâm Đồng; Địa chỉ liên hệ: Số B đường H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đan T trình bày:

Bà và ông Chau T1 kết hôn vào năm 2021 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không cùng quan điểm, ông T1 thường xuyên đánh đập bà. Vợ chồng cũng cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài được nữa. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm nhau.

Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Chau T1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tô Chân N (sinh ngày 11/5/2022), hiện nay con đang ở với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con và yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Chau T1 trình bày:

Sau khi kết hôn, vợ chồng về Đ sinh sống cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng cũng ngồi lại nói chuyện nhưng không có kết quả. Hiện nay, bà T đã ra sống riêng nhưng ông T1 vẫn thường xuyên qua lại chăm sóc con, chu cấp tiền kể từ ngày bà T ra ở riêng cho đến nay; đến thời điểm hiện nay, bà T vẫn chưa có công việc làm ổn định. Ông còn thương vợ con nên không muốn ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tô Chân N (sinh ngày 11/5/2022), hiện nay con đang ở với bà T.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T và ông T1 đều xác định tình cảm vợ chồng hiện không còn và thống nhất ly hôn. Về con chung, cả hai đều yêu cầu được nuôi con.

Tại Bản án sơ thẩm số 37/2026/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng đã quyết định:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Đan T và ông Chau T1.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tô Chân N (sinh ngày 11/5/2022) cho bà Nguyễn Thị Đan T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con thành niên.

3. Cấp dưỡng nuôi con chung: Ông T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Nguyễn Tô Chân N (sinh ngày 11/5/2022) mỗi tháng là 5.000./tháng đến khi con thành niên.

Thời hạn cấp dưỡng: Tính từ tháng 5 năm 2026 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền thăm nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/4/2026, ông kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, giao con cho ông nuôi, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đan T và bị đơn ông Chau T1 thống nhất thỏa thuận giao con chung cho ông Chau T1 nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Đan T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Do hai bên đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận này không vi phạm điều cấm của và không trái đạo đức xã hội, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; Sửa Bản án sơ thẩm số 37/2026/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đan T và bị đơn ông T1 thống nhất thỏa thuận:

- Bà Nguyễn Thị Đan T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Tô Chân N (sinh ngày 11/5/2022) cho ông T1 nuôi dưỡng; ông Châu T2 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Đan T chịu án phí sơ thẩm, ông T2 chịu án phí phúc thẩm.

[2] Xét sự thỏa thuận của các bên đương sự như trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự là đúng quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2026/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lâm Đồng;

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đan T và bị đơn ông Châu T1 cụ thể như sau:

1.1 Bà Nguyễn Thị Đan T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Tô Chân N (sinh ngày 11/5/2022) cho ông Châu T1 nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Đan T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của các bên đương sự tạm thời không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Đan T chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003476 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; Bà Nguyễn Thị Đan T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Chau Tô C 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0009160 ngày 18/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng; Ông Chau T1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

2. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 08/7/2026).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 1 – Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 1 – Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 1 – Lâm Đồng;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP, TGD;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái

**Thành viên Hội đồng xét xử
Chủ tọa phiên tòa**

Thẩm phán

Nguyễn Văn Thanh Lê Thị Vân Nguyễn Hồng T3